

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v tiếp nhận học sinh diện Dự bị Đại học và  
diện tuyển thẳng theo đề án của Bộ GD&ĐT năm 2024 hoàn thành chương trình  
dự bị Đại học vào học hệ Đại học chính quy khóa 63 năm 2025**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 03 năm 2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-HVTC ngày 09 tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Đại học chính quy năm 2024 diện xét tuyển thẳng;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-HVTC ngày 28 tháng 05 năm 2025 về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Học viện Tài chính; Quyết định số 724/QĐ-HVTC ngày 18 tháng 06 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tin tuyển sinh hệ đại học chính quy năm 2025 của Học viện Tài chính của Giám đốc Học viện Tài chính;

Căn cứ Công văn về việc xét chuyển học sinh dự bị đại học năm học 2025 của các trường Dự bị đại học: Công văn số 601/CV-VCVB ngày 28/06/2025 của trường PT Vùng cao Việt Bắc; Công văn số 190/QĐ-DBĐHSS ngày 26/06/2025 của trường Dự bị ĐH dân tộc Sầm Sơn; Công văn số 330/DBĐHDTTW-KHTC ngày 19/6/2025 của Trường dự bị đại học dân tộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 264/DBĐHDTTW-BDQLCL ngày 26/6/2025 của Trường dự bị đại học dân tộc Trung ương về việc thông báo kết quả bồi dưỡng dự bị đại học năm học 2024-2025 của học sinh thuộc diện 30a của Học viện Tài chính;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh và Trường ban Quản lý đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tiếp nhận 137 học sinh gồm 136 học sinh diện dự bị đại học và 01 học sinh diện tuyển thẳng theo đề án của Bộ GD&ĐT Học viện Tài chính năm 2024 hoàn

thành chương trình dự bị đại học vào học hệ đại học chính quy khóa 63 Học viện Tài chính năm 2025 (*chi tiết danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng; Trưởng các Ban: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và sinh viên, Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản trị thiết bị, Kiểm tra-Kiểm toán nội bộ; Trưởng các đơn vị có liên quan và cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ✓

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (Vụ GDĐH);
- Bộ Tài chính (Vụ TCCB);
- Ban GĐHV;
- Như điều 2;
- Lưu VT, QLĐT (6).

**GIÁM ĐỐC - CHỦ TỊCH HĐTS**



**PGS. TS. Nguyễn Đào Tùng**

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**DANH SÁCH THÍ SINH DIỆN DỰ BỊ ĐẠI HỌC**  
**VÀO HỌC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 63 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 893/QĐ-HVTC ngày 24/07/2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

| Stt       | Mã HS                                                                                      | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Dân Tộc | ĐT UT | Khối XC | Điểm XC | XL RL | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-----------|---------|-------|---------|---------|-------|---------|
| <b>A</b>  | <b>Chương trình đào tạo định hướng Chứng chỉ quốc tế</b>                                   |                     |            |           |         |       |         |         |       |         |
| <b>I</b>  | <b>CTĐT Hải quan &amp; Logistic định hướng chứng chỉ quốc tế FIAT (Mã 7340201.01.06QT)</b> |                     |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 1         | 60135                                                                                      | Bùi Minh Đức        | 29/03/2006 | Nam       | Mường   | 01    | D01     | 22.8    | Tốt   |         |
| 2         | 60136                                                                                      | Phạm Đăng Nguyên    | 24/02/2006 | Nam       | Mường   | 01    | D01     | 22.1    | Tốt   |         |
| <b>II</b> | <b>CTĐT Digital Marketing định hướng chứng chỉ quốc tế ICDL (Mã 7340115 QT11.02QT)</b>     |                     |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 3         | 60134                                                                                      | Quách Thị Anh Thơ   | 12/10/2006 | Nữ        | Mường   | 01    | D01     | 22.8    | Tốt   |         |
| <b>B</b>  | <b>Chương trình Chuẩn</b>                                                                  |                     |            |           |         |       |         |         |       |         |
| <b>I</b>  | <b>Ngành Tài chính - Ngân hàng 1 (Mã 73402011)</b>                                         |                     |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 4         | 60102                                                                                      | Lý Thị Chung        | 07/07/2006 | Nữ        | Dao     | 01    | D01     | 24      | Tốt   |         |
| 5         | 60054                                                                                      | Hà Thị Kim Cúc      | 18/01/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | A01     | 23.1    | Tốt   |         |
| 6         | 60131                                                                                      | Lò Phương Diệp      | 19/08/2005 | Nữ        | Thái    | 01    | A00     | 21.9    | Tốt   |         |
| 7         | 60086                                                                                      | Nguyễn Minh Đức     | 06/04/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 24.2    | Tốt   |         |
| 8         | 60130                                                                                      | Ngân Thị Thu Giang  | 22/08/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 22.9    | Tốt   |         |
| 9         | 60018                                                                                      | Triệu Bảo Hân       | 14/6/2006  | Nữ        | Nùng    | 01    | A01     | 25.4    | Tốt   |         |
| 10        | 60056                                                                                      | Vũ Minh Hiền        | 25/10/2006 | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 22.8    | Tốt   |         |
| 11        | 60077                                                                                      | Phan Thị Quỳnh Hoa  | 15/09/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 24.6    | Tốt   |         |
| 12        | 60040                                                                                      | Nguyễn Đức Hoàng    | 17/02/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 24.0    | Tốt   |         |
| 13        | 60045                                                                                      | Nguyễn Huy Hoàng    | 22/3/2005  | Nam       | Tày     | 01    | A01     | 23.8    | Tốt   |         |
| 14        | 60082                                                                                      | Triệu Văn Học       | 28/05/2006 | Nam       | Dao     | 01    | A00     | 25.4    | Tốt   |         |
| 15        | 60088                                                                                      | Nông Thị Kim Huệ    | 02/11/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 25.8    | Tốt   |         |
| 16        | 60044                                                                                      | Lường Cẩm Huy       | 05/12/2006 | Nam       | Thái    | 01    | A00     | 23.8    | Tốt   |         |
| 17        | 60073                                                                                      | Hoàng Kiều Ly       | 13/06/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 20.8    | Tốt   |         |
| 18        | 60019                                                                                      | Đinh Trọng Nghĩa    | 28/08/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 25.4    | Tốt   |         |
| 19        | 60132                                                                                      | Phạm Văn Phan       | 14/08/2006 | Nam       | Mường   | 01    | D01     | 21.7    | Khá   |         |
| 20        | 60105                                                                                      | Lý Thị Phương       | 29/10/2006 | Nữ        | Dao     | 01    | D01     | 24      | Tốt   |         |
| 21        | 60023                                                                                      | La Thị Sông         | 28/10/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | A00     | 25.1    | Tốt   |         |
| 22        | 60016                                                                                      | Dương Thị Thanh Tâm | 27/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 25.4    | Tốt   |         |

| Stt                                                    | Mã HS | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Dân Tộc | ĐT UT | Khối XC | Điểm XC | XL RL | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------|-------|----------------------|------------|-----------|---------|-------|---------|---------|-------|---------|
| 23                                                     | 60097 | Đỗ Huyền Thương      | 27/11/2006 | Nữ        | Cao Lan | 01    | A00     | 29.5    | Tốt   |         |
| 24                                                     | 60053 | Nông Thị Thủy Tiên   | 15/10/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 23.2    | Tốt   |         |
| 25                                                     | 60036 | Nông Quang Toàn      | 05/04/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 24.5    | Tốt   |         |
| 26                                                     | 60080 | Hoàng Anh Tú         | 14/12/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 24.6    | Tốt   |         |
| 27                                                     | 60022 | Lý Thị Hồng Vân      | 9/12/2006  | Nữ        | Tày     | 01    | A01     | 25.1    | Tốt   |         |
| <b>II Ngành Tài chính - Ngân hàng 2 (Mã 73402012)</b>  |       |                      |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 28                                                     | 60091 | Hoàng Quỳnh Anh      | 26/06/2005 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 27.9    | Tốt   |         |
| 29                                                     | 60072 | La Tuấn Anh          | 20/7/2006  | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 20.9    | Tốt   |         |
| 30                                                     | 60133 | Lê Duy Anh           | 02/11/2006 | Nam       | Thái    | 01    | D01     | 21.0    | Tốt   |         |
| 31                                                     | 60098 | Hoàng Thị Thu Hiền   | 08/09/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 27.6    | Tốt   |         |
| 32                                                     | 60092 | Vương Quỳnh Hương    | 25/06/2006 | Nữ        | La Chí  | 01    | D01     | 27.9    | Tốt   |         |
| 33                                                     | 60099 | Triệu Chiêu Huỳnh    | 10/11/2006 | Nam       | Dao     | 01    | D01     | 24.4    | Tốt   |         |
| 34                                                     | 60111 | Ma Thị Ngọc Ly       | 03/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 24      | Tốt   |         |
| 35                                                     | 60024 | Hứa Thị Lý           | 14/2/2005  | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 25.0    | Tốt   |         |
| 36                                                     | 60061 | Hà Huyền Nhung       | 16/10/2006 | Nữ        | Mường   | 01    | D01     | 22.0    | Tốt   |         |
| 37                                                     | 60108 | Ma Hồng Nhung        | 10/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 29      | Tốt   |         |
| 38                                                     | 60114 | Đàm Thị Sang         | 14/01/2006 | Nữ        | Sán Diu | 01    | A00     | 25.3    | Tốt   |         |
| 39                                                     | 60017 | Tô Trường Sơn        | 26/8/2006  | Nam       | Nùng    | 01    | A01     | 25.4    | Tốt   |         |
| 40                                                     | 60067 | Bùi Vương Thanh Thảo | 13/09/2006 | Nữ        | Mường   | 01    | D01     | 21.4    | Tốt   |         |
| 41                                                     | 60041 | Nông Thị Thoa        | 13/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.0    | Tốt   |         |
| 42                                                     | 60103 | Ngân Bá Thuận        | 22/02/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 24.2    | Tốt   |         |
| 43                                                     | 60066 | Lâm Quốc Toàn        | 18/3/2006  | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 21.5    | Tốt   |         |
| 44                                                     | 60117 | Hoàng Ngọc Trâm      | 07/11/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 25.1    | Tốt   |         |
| 45                                                     | 60010 | Đỗ Quỳnh Trang       | 15/5/2006  | Nữ        | Nùng    | 01    | A00     | 26.0    | Tốt   |         |
| 46                                                     | 60014 | Nông Quốc Vương      | 08/8/2006  | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 25.5    | Tốt   |         |
| <b>III Ngành Tài chính - Ngân hàng 3 (Mã 73402013)</b> |       |                      |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 47                                                     | 60065 | Hà Ngọc Phương Anh   | 01/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 21.6    | Tốt   |         |
| 48                                                     | 60029 | Lường Thị Thúy Hà    | 29/01/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 24.8    | Tốt   |         |
| 49                                                     | 60079 | Hứa Thị Hồng         | 19/12/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.3    | Tốt   |         |
| 50                                                     | 60083 | Nông Khánh Ly        | 22/04/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.7    | Tốt   |         |
| 51                                                     | 60101 | Sùng Y Mỹ            | 10/04/2006 | Nữ        | Mông    | 01    | D01     | 24.5    | Tốt   |         |
| 52                                                     | 60095 | Bế Hoàng Ngọc        | 01/01/2006 | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 24      | Tốt   |         |

| Stt                                  | Mã HS | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Dân Tộc | ĐT UT | Khối XC | Điểm XC | XL RL | Ghi chú |
|--------------------------------------|-------|----------------------|------------|-----------|---------|-------|---------|---------|-------|---------|
| 53                                   | 60093 | Đinh Thị Quỳnh Như   | 24/10/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24      | Tốt   |         |
| 54                                   | 60104 | Bế Thu Trang         | 16/08/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.7    | Tốt   |         |
| <b>IV Ngành Kế toán (Mã 7340301)</b> |       |                      |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 55                                   | 60107 | Lô Phương Anh        | 13/02/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | A00     | 25.2    | Tốt   |         |
| 56                                   | 60110 | Hoàng Thị Nguyệt Ánh | 14/02/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.8    | Tốt   |         |
| 57                                   | 60074 | Lô Thúy Bằng         | 15/12/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 20.8    | Tốt   |         |
| 58                                   | 60020 | Đèo Trần Hà Châu     | 28/12/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 25.3    | Tốt   |         |
| 59                                   | 60058 | Hà Bế Linh Chi       | 08/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 22.6    | Tốt   |         |
| 60                                   | 60087 | Nguyễn Phương Chi    | 18/09/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 24      | Tốt   |         |
| 61                                   | 60055 | Pòong Văn Đoàn       | 22/01/2006 | Nam       | Thái    | 01    | D01     | 22.8    | Tốt   |         |
| 62                                   | 60106 | Lê Thùy Dương        | 20/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24      | Tốt   |         |
| 63                                   | 60021 | Nguyễn Đức Duy       | 29/8/2006  | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 25.3    | Tốt   |         |
| 64                                   | 60003 | Trần Lý Quỳnh Giang  | 24/09/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 26.7    | Tốt   |         |
| 65                                   | 60013 | Chu Nguyệt Hà        | 09/7/2006  | Nữ        | Nùng    | 01    | A00     | 25.5    | Tốt   |         |
| 66                                   | 60070 | Đàm Thị Ngọc Hà      | 13/1/2006  | Nữ        | Tày     | 01    | A01     | 21.3    | Tốt   |         |
| 67                                   | 60057 | Nông Minh Hiếu       | 26/02/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 22.6    | Tốt   |         |
| 68                                   | 60126 | Lữ Thị Hoa           | 10/10/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | A00     | 24.2    | Tốt   |         |
| 69                                   | 60004 | Ma Thị Lan Hương     | 08/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 26.6    | Tốt   |         |
| 70                                   | 60015 | Địch Thanh Huyền     | 28/11/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 25.4    | Tốt   |         |
| 71                                   | 60011 | Đàm Lê An Khánh      | 29/9/2006  | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 25.8    | Tốt   |         |
| 72                                   | 60089 | Lương Đăng Khôi      | 30/06/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 24      | Tốt   |         |
| 73                                   | 60128 | Lục Thị Lê           | 23/04/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | A00     | 21.3    | Tốt   |         |
| 74                                   | 60007 | Hoàng Hoài Linh      | 02/04/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 26.3    | Tốt   |         |
| 75                                   | 60001 | Vi Thị Mai Linh      | 12/02/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 27.1    | Tốt   |         |
| 76                                   | 60006 | Quách Thị Hoài Ly    | 01/01/2006 | Nữ        | Mường   | 01    | A00     | 26.6    | Tốt   |         |
| 77                                   | 60100 | Sầm Thị Kim Ngân     | 17/03/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 24.9    | Tốt   |         |
| 78                                   | 60127 | Lương Thị Yến Nhi    | 05/10/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | A00     | 22.3    | Tốt   |         |
| 79                                   | 60027 | Lã Quỳnh Như         | 03/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.9    | Tốt   |         |
| 80                                   | 60094 | Nguyễn Thiên Thanh   | 30/07/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 27.7    | Tốt   |         |
| 81                                   | 60059 | Hoàng Phương Thảo    | 10/11/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 22.2    | Tốt   |         |
| 82                                   | 60062 | Nông Thị Thảo        | 17/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 22.0    | Khá   |         |
| 83                                   | 60085 | Triệu Vi Thảo        | 30/05/2006 | Nữ        | Dao     | 01    | A00     | 24.7    | Tốt   |         |

| Stt                                                     | Mã HS | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Dân Tộc | ĐT UT | Khối XC | Điểm XC | XL RL | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------|-------|-----------------------|------------|-----------|---------|-------|---------|---------|-------|---------|
| 84                                                      | 60042 | Bùi Thị Hồng Thúy     | 04/09/2006 | Nữ        | Mường   | 01    | D01     | 24.0    | Khá   |         |
| 85                                                      | 60051 | Vương Nông Ngọc Trâm  | 14/05/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 23.3    | Tốt   |         |
| 86                                                      | 60008 | Mã Thị Thu Trang      | 08/03/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 26.2    | Tốt   |         |
| 87                                                      | 60043 | Trần Hoàng Trang      | 29/04/2006 | Nữ        | Sán Diu | 01    | D01     | 23.9    | Tốt   |         |
| 88                                                      | 60068 | Nhan Đức Tuấn         | 16/5/2006  | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 21.4    | Tốt   |         |
| 89                                                      | 60112 | Hoàng Hải Tùng        | 23/11/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 24.5    | Tốt   |         |
| 90                                                      | 60038 | Triệu Thị Thanh Tuyền | 17/02/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 24.4    | Tốt   |         |
| <b>V Ngành Kiểm toán (Mã 7340302)</b>                   |       |                       |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 91                                                      | 60064 | Hứa Thị Minh Ánh      | 24/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 21.6    | Khá   |         |
| 92                                                      | 60009 | Phạm Hoàng Hải        | 23/6/2006  | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 26.0    | Tốt   |         |
| 93                                                      | 60033 | Lưu Tiến Hưng         | 05/6/2005  | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 24.6    | Tốt   |         |
| 94                                                      | 60116 | Trương Lan Hương      | 14/10/2006 | Nữ        | Sán Diu | 01    | D01     | 24      | Tốt   |         |
| 95                                                      | 60052 | Nông Thị Diệu Ly      | 15/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A01     | 23.2    | Tốt   |         |
| 96                                                      | 60090 | Ngô Văn Phú           | 23/10/2006 | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 24      | Tốt   |         |
| 97                                                      | 60037 | Nông Phương Thảo      | 20/03/2005 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.4    | Tốt   |         |
| 98                                                      | 60030 | Lại Đàm Thái Vinh     | 15/11/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 24.8    | Tốt   |         |
| <b>VI Ngành Hệ thống thông tin quản lý (Mã 7340405)</b> |       |                       |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 99                                                      | 60113 | Vi Văn Dũng           | 07/02/2006 | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 25.6    | Tốt   |         |
| 100                                                     | 60109 | Phùng Mạnh Hiếu       | 03/01/2005 | Nam       | Nùng    | 01    | D01     | 24      | Tốt   |         |
| 101                                                     | 60129 | Sùng Thị Hoa          | 21/04/2007 | Nữ        | H'Mông  | 01    | A00     | 22.5    | Tốt   |         |
| 102                                                     | 60078 | Lường Mạnh Hùng       | 16/03/2006 | Nam       | Thái    | 01    | A00     | 24.6    | Tốt   |         |
| 103                                                     | 60076 | Triệu Mạnh Hữu        | 27/12/2006 | Nam       | Dao     | 01    | A00     | 24      | Tốt   |         |
| 104                                                     | 60063 | Nguyễn Tùng Lâm       | 15/10/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 21.9    | Tốt   |         |
| 105                                                     | 60075 | Đoàn Duy Long         | 26/01/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 24.6    | Tốt   |         |
| 106                                                     | 60071 | Nguyễn Đình Luân      | 29/12/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 21.2    | Tốt   |         |
| 107                                                     | 60096 | Trương Thị Nguyên     | 31/05/2006 | Nữ        | Sán Diu | 01    | A00     | 26      | Tốt   |         |
| 108                                                     | 60081 | Triệu Trung Quốc      | 21/01/2006 | Nam       | Dao     | 01    | D01     | 24.8    | Tốt   |         |
| 109                                                     | 60084 | Nông Như Quỳnh        | 16/07/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 25.1    | Tốt   |         |
| <b>VII Ngành Công nghệ TT (Mã 7480201)</b>              |       |                       |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 110                                                     | 60034 | Nguyễn Châm Mai       | 11/9/2006  | Nữ        | Kinh    |       | A00     | 24.7    | Tốt   |         |
| <b>VIII Ngành Marketing (Mã 7340115)</b>                |       |                       |            |           |         |       |         |         |       |         |

| Stt                                              | Mã HS | Họ và tên          | Ngày sinh  | Giới tính | Dân Tộc | ĐT UT | Khối XC | Điểm XC | XL RL | Ghi chú |
|--------------------------------------------------|-------|--------------------|------------|-----------|---------|-------|---------|---------|-------|---------|
| 111                                              | 60125 | Lộc Văn An         | 29/01/2006 | Nam       | Thái    | 01    | A00     | 22.4    | Khá   |         |
| 112                                              | 60005 | Lưu Thanh Giang    | 06/12/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | A00     | 26.5    | Tốt   |         |
| 113                                              | 60002 | Hoàng Thị Huyền    | 08/01/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 26.9    | Tốt   |         |
| 114                                              | 60035 | Chu Thị Khánh Linh | 29/4/2006  | Nữ        | Tày     | 01    | A00     | 24.6    | Tốt   |         |
| 115                                              | 60047 | Hoàng Vĩ Tâm       | 21/11/2006 | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 23.8    | Tốt   |         |
| <b>IX Ngành Quản trị kinh doanh (Mã 7340101)</b> |       |                    |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 116                                              | 60039 | Hà Trường An       | 26/08/2005 | Nam       | Nùng    | 01    | D07     | 24.3    | Tốt   |         |
| 117                                              | 60048 | Nguyễn Hoàng Anh   | 30/12/2006 | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 23.7    | Tốt   |         |
| 118                                              | 60026 | Phương Hải Đăng    | 01/8/2006  | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 24.9    | Tốt   |         |
| 119                                              | 60120 | Đình Duy Đạt       | 05/08/2006 | Nam       | Mường   | 01    | A00     | 24.3    | Tốt   |         |
| 120                                              | 60123 | Quách Thành Đạt    | 26/01/2006 | Nam       | Mường   | 01    | D01     | 22.4    | Tốt   |         |
| 121                                              | 60121 | Mai Xuân Hải       | 04/07/2006 | Nam       | Kinh    |       | A00     | 23.3    | Tốt   |         |
| 122                                              | 60124 | Phạm Thúc Anh Khôi | 07/07/2006 | Nam       | Mường   | 01    | D01     | 21.8    | Tốt   |         |
| 123                                              | 60031 | Lục Nhất Minh      | 19/9/2006  | Nam       | Cao Lan | 01    | A00     | 24.7    | Tốt   |         |
| 124                                              | 60122 | Lê Hà Uyên Nhi     | 18/06/2006 | Nữ        | Mường   | 01    | D01     | 23      | Tốt   |         |
| 125                                              | 60032 | Nguyễn Hồng Thái   | 08/5/2005  | Nam       | Tày     | 01    | A00     | 24.7    | Tốt   |         |
| 126                                              | 60115 | Hà Thị Dương Thùy  | 04/04/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 28.3    | Tốt   |         |
| <b>X Ngành NN Anh (Mã 7220201)</b>               |       |                    |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 127                                              | 60012 | Nguyễn Thị Thảo My | 04/12/2006 | Nữ        | Kinh    |       | D01     | 25.6    | Tốt   |         |
| <b>XI Ngành Kinh tế đầu tư (Mã 7310104)</b>      |       |                    |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 128                                              | 60025 | Ngân Thị Hoài Anh  | 07/06/2006 | Nữ        | Tày     | 01    | D01     | 24.9    | Tốt   |         |
| 129                                              | 60028 | Lò Thị Hồng Ngân   | 23/10/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 24.8    | Tốt   |         |
| <b>XII Ngành Kinh tế (Mã 7310101)</b>            |       |                    |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 130                                              | 60119 | Phạm Anh Đức       | 10/07/2006 | Nam       | Mường   | 01    | A00     | 20.9    | Tốt   |         |
| 131                                              | 60050 | Phùng Quang Hùng   | 02/02/2006 | Nam       | Tày     | 01    | A01     | 23.4    | Tốt   |         |
| 132                                              | 60069 | Lương Anh Kiệt     | 28/3/2006  | Nam       | Nùng    | 01    | A00     | 21.3    | Tốt   |         |
| 133                                              | 60118 | Cầm Thị Lưu        | 12/11/2006 | Nữ        | Thái    | 01    | D01     | 23.2    | Tốt   |         |
| 134                                              | 60046 | Lâm Thị Nhung      | 13/01/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 23.7    | Tốt   |         |
| 135                                              | 60049 | Hà Doãn Sơn        | 13/10/2006 | Nam       | Tày     | 01    | D01     | 23.7    | Tốt   |         |
| <b>XIII Ngành Luật (Mã 7380101)</b>              |       |                    |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 136                                              | 60060 | Đàm Thị Thu Hoài   | 12/11/2006 | Nữ        | Nùng    | 01    | D01     | 22.2    | Tốt   |         |

Danh sách gồm 136 thí sinh./.

BỘ TÀI CHÍNH  
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

**DANH SÁCH HS DIỆN XÉT TUYỂN THĂNG THEO QUY CHẾ CỦA BỘ GD&ĐT 2024  
HOÀN THÀNH CT BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀO HỆ ĐHCQ KHÓA 63 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 893/QĐ-HVTC ngày 21/7/2025 của Giám đốc  
Học viện Tài chính)

| Stt | Mã HS                                       | Họ và tên     | Ngày sinh  | Giới tính | Dân Tộc | ĐT UT | Khối XC | Điểm XC | XL RL | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|---------------|------------|-----------|---------|-------|---------|---------|-------|---------|
| A   | Chương trình Chuẩn                          |               |            |           |         |       |         |         |       |         |
| I   | Ngành Tài chính - Ngân hàng 2 (Mã 73402012) |               |            |           |         |       |         |         |       |         |
| 1   | 30A 2004                                    | Bùi Quỳnh Chi | 12/10/2006 | Nữ        | Kinh    |       | D01     | 27.2    | Tốt   |         |

BỘ